

MUA [+27%]

Ngày cập nhật: 10/03/2021

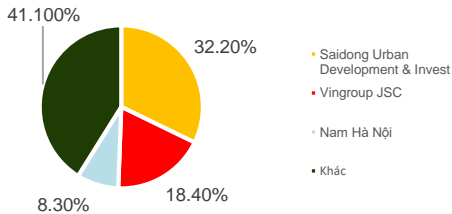
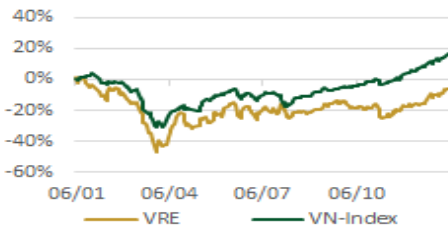
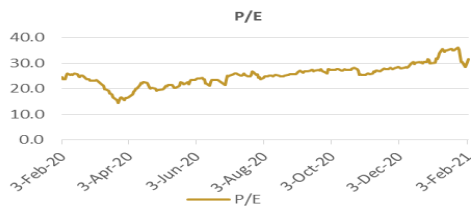
Giá mục tiêu 43,400

Giá hiện tại 34,150

PHS

 (+82-28) 5 413 5479 support@phs.vn
Thông tin cổ phiếu

CP đang lưu hành	2,272 triệu
Free-float (%)	45
Vốn hóa (tỷ đồng)	77,826
KLGD TB 3 tháng	1.7 triệu
Sở hữu nước ngoài (%)	32.1
Ngày niêm yết đầu tiên	06/11/2017

Cổ đông lớn (31/12/2020).

Biến động giá cổ phiếu so với Index

Lịch sử định giá


Nguồn: FiinPro

Chỉ số tài chính	2017A	2018A	2019A	2020U	2021F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	5,518	9,124	9,259	8,329	10,838
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	2,027	2,404	2,848	2,383	3,135
EPS (VND)	791	1,228	1,293	1,082	1,423
Tăng trưởng EPS (%)	-32%	55%	5%	-16.3%	31.5%
Giá trị sổ sách (VND)	13,726	12,242	11,860	11,914	12,382
P/E	44.21	27.02	27.13	25.62	29.2
P/B	3.44	2.28	2.87	2.39	3.30
Cổ tức tiền mặt (VND)	340	NA	1,050	NA	NA

Sau cơn mưa, trời lại sáng.
Kết quả kinh doanh năm 2020:

Năm 2020, VRE ghi nhận doanh thu thuần đạt 8,329 tỷ đồng (-10.0% YoY). Trong đó (1) doanh thu từ cho thuê BĐS đạt 6,008 tỷ đồng (-14.4% YoY); (2) Doanh thu từ chuyển nhượng BĐS đạt 2,149 tỷ đồng (+6.0% YoY) nhờ đẩy mạnh bàn giao các dự án shophouse tại Bạc Liêu, Mỹ Tho, Thái Hòa... và một số dự án khác. Qua đó, giúp lợi nhuận sau thuế của VRE đạt 2,382 tỷ đồng (-16.5% YoY).

Trong Q4/2020, VRE đã hỗ trợ thêm 45 tỷ đồng, chủ yếu là giảm tiền thuê mặt bằng tại các TTTM, cho các khách thuê vẫn bị ảnh hưởng bởi Covid-19. Tổng mức hỗ trợ mà VRE đã triển khai là 865 tỷ cho khách thuê bị ảnh hưởng từ dịch bệnh trong năm 2020.

Dự phóng kết quả kinh doanh:

Đến cuối năm 2020, VRE sở hữu 80 TTTM (tương đương với gần 1.66 triệu m² sàn (+4% YoY) trên 43 tỉnh/thành phố trên khắp cả nước.

Dự kiến trong năm 2021, VRE sẽ khai trương 5 TTTM, trong đó có 2 Mega Mall là Vincom Mega Mall Smart City (Hà Nội) và Vincom Mega Mall Grand Park (TP.HCM), 2 Vincom Plaza tại Mỹ Tho và Bạc Liêu và 1 Vincom+ tại Sông Công. Từ đó giúp diện tích sàn bán lẻ của VRE tăng thêm khoảng 150,000 m², đạt khoảng 1.8tr m² sàn bán lẻ (+8.5% YoY).

Với giả định dịch bệnh Covid-19 được chính phủ kiểm soát triệt để theo từng khu vực và vắc-xin được đưa vào sử dụng trong 2H2021, chúng tôi kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận sau thuế của VRE năm 2021 sẽ đạt lần lượt 10,838 tỷ đồng (+30.1% YoY) và 3,135 tỷ đồng (+31.5% YoY).

Điểm nhấn đầu tư:

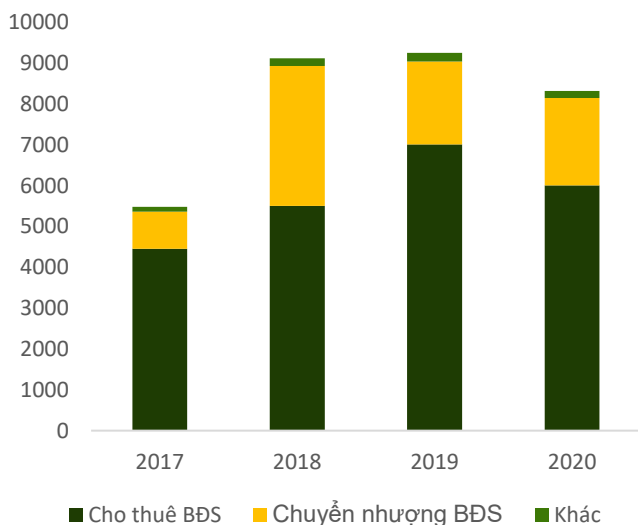
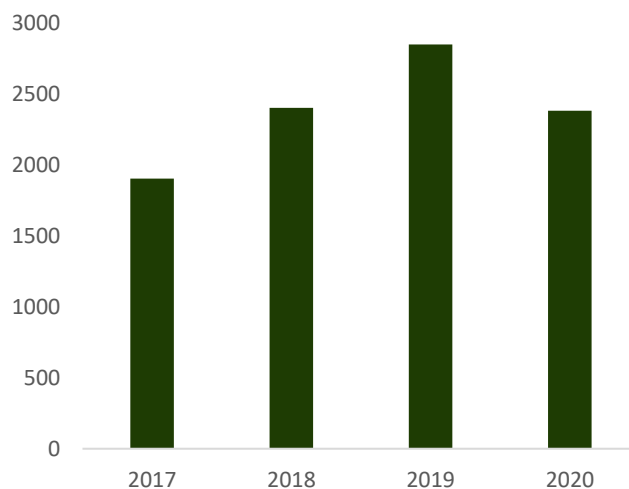
VRE được hưởng lợi nhờ dư địa phát triển mạnh từ thị trường bán lẻ, cùng cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện giúp nhu cầu khách thuê sàn bán lẻ cũng như khách hàng đến tham quan, mua sắm tại các TTTM của VRE gia tăng đáng kể. Sự cộng hưởng từ hệ sinh thái của Tập đoàn Vingroup cũng quý đất rộng lớn đủ cho doanh nghiệp phát triển trong 5-10 năm là động lực tăng trưởng dài hạn của VRE.

Định giá & khuyến nghị:

Chúng tôi sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền DCF và cho rằng mức giá hợp lý đối với cổ phiếu VRE là 43,400 VNĐ/CP, tiếp tục duy trì khuyến nghị: MUA đối với cổ phiếu VRE, mức tăng trưởng là 27% so với giá đóng cửa ngày 10/03/2021.

Rủi ro:

(1) Rủi ro chu kỳ ngành BĐS, (2) Áp lực cạnh tranh, (3) Rủi ro dịch bệnh.

Kết quả kinh doanh năm 2020.
Chart: Cơ cấu doanh thu (tỷ đồng).

Chart: Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng).


Nguồn: VRE, PHFM tổng hợp

Nguồn: VRE, PHFM tổng hợp

Tổng quan ngành bán lẻ thế giới năm 2020 đã chứng kiến mức sụt giảm chưa từng có do Covid-19 nhưng ngành bán lẻ Việt Nam đã hồi phục khả quan ngay từ Quý III nhờ việc kiểm soát dịch trong nước được thực hiện tốt. Doanh số bán hàng của khách thuê tại ngành hàng như F&B và Thời trang tiếp tục phục hồi lên khoảng 75% so với mức trước Covid (2019). Các khách thuê chính tiếp tục mở rộng tại các TTTM Vincom cùng với các chiến dịch tiếp thị đã tiếp tục kích thích lượng khách đến tham quan mua sắm và tăng trưởng doanh số.

Năm 2020, VRE ghi nhận doanh thu thuần đạt 8,329 tỷ đồng (-10.0% YoY). Trong đó (1) doanh thu từ cho thuê BĐS đạt 6,008 tỷ đồng (-14.4% YoY); (2) Doanh thu từ chuyển nhượng BĐS đạt 2,149 tỷ đồng (+6.0% YoY) nhờ đẩy mạnh bàn giao các dự án shophouse tại Bạc Liêu, Mỹ Tho, Thái Hòa... và một số dự án khác. Từ đó, lợi nhuận sau thuế của VRE đạt 2,383 tỷ đồng (-16.5% YoY).

Trong Q4/2020, VRE đã hỗ trợ thêm 45 tỷ đồng, chủ yếu là giảm tiền thuê mặt bằng tại các TTTM, cho các khách hàng hiện hữu. Từ đó, tổng mức hỗ trợ mà công ty đã triển khai đạt 865 tỷ cho khách thuê bị ảnh hưởng từ dịch bệnh trong năm 2020.

Bảng: Danh sách TTTM.

	Vincom Center (VCC)	Vincom Mega Mall (VMM)	Vincom Plaza (VCP)	Vincom + (VC+)
Số lượng	7	4	54	15
Diện tích sàn/TTTM (m ²)	40,000 - 60,000	60,000 - 150,000+	10,000 - 40,000	3,000 - 5,000
Tổng diện tích sàn (m ²)	280,026	444,098	857,517	71,936
(% YoY)	(0% YoY)	(14.4% YoY)	(+0% YoY)	(+0% YoY)
% tổng diện tích sàn	17%	27%	52%	4%
Tỷ lệ lấp đầy trung bình 2020	92.7%	86.8%	81.5%	75.2%
(+1.4bsp YoY)	(+1.4bsp YoY)	(-4.9bsp YoY)	(-7.2bsp YoY)	(-9.7bsp YoY)
Thời gian xây dựng	18-24	24+	12+	6+

(Thông tin tại ngày 31/12/2020)

Nguồn: VRE, PHFM tổng hợp

Nguồn thông tin được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Thông tin chỉ mang tính chất tham khảo. Khách hàng phải chịu trách nhiệm với quyết định đầu tư của mình.

Triển vọng kinh doanh

Đến cuối năm 2020, VRE sở hữu 80 TTTM (tương đương với gần 1.66 triệu m² sàn (+4% YoY) trên 43 tỉnh/thành phố trên khắp cả nước. Công ty tiếp tục nằm trong Top 10 thương hiệu dẫn đầu Việt Nam 2020 do Tạp chí Forbes bình chọn và giữ vững vị thế là doanh nghiệp phát triển, sở hữu và vận hành TTTM lớn nhất Việt Nam.

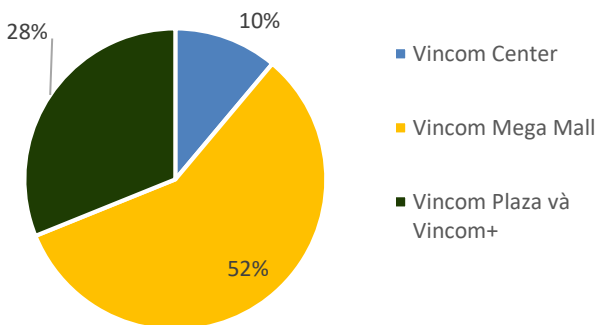
Dự kiến trong năm 2021, VRE sẽ khai trương 5 TTTM, trong đó có 2 TTTM Mega Mall là Vincom Mega Mall Smart City (Hà Nội) và Vincom Mega Mall Grand Park (TP.HCM), 2 Vincom Plaza tại Mỹ Tho và Bạc Liêu và 1 Vincom+ tại Sông Công. Từ đó giúp diện tích sàn bán lẻ của VRE tăng thêm khoản 150,000 m², đạt khoảng 1.8tr m² sàn bán lẻ (+8.5% YoY). Bên cạnh đó, công ty cũng sẽ ra mắt mô hình sản phẩm mới tại “Thành phố giải trí 24/7” Grand World Phú Quốc thuộc tổ hợp Phú Quốc United Center.

Với giả định dịch bệnh Covid-19 được chính phủ kiểm soát triệt để theo từng khu vực và vắc-xin được đưa vào sử dụng trong 2H2021, chúng tôi kỳ vọng các hoạt động kinh doanh của VRE sẽ diễn ra bình thường trong năm 2021 và đón thêm nhiều khách thuê mới. Chúng tôi kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận sau thuế của VRE năm 2021 sẽ đạt 10,838 tỷ đồng (+30.1% YoY) và 3,135 tỷ đồng (+31.5% YoY).

Chiến lược phát triển dài hạn đến 2026.

	2017 (IPO)	2019	2020	2026E	2017-20 CARG	2020-26E CARG
Diện tích sàn (triệu m ²)	1.12	1.60	1.66	5.00	14%	20%
Số tỉnh/thành phố có TTTM	24	43	43	63		

Chart: Diện tích sàn bán lẻ kỳ vọng của VRE tại 2026 (GFA: 4.5 - 5 triệu m²).



Đến cuối năm 2026, VRE lên chiến lược mở rộng tập trung vào các TTTM quy mô lớn (VMM và VCC) tại các tỉnh, thành phố lớn trong cả nước với mục tiêu nâng tổng diện tích sàn bán lẻ GFA lên đến 4.5 - 5 triệu m², (+201% so với năm 2020). VRE có thể tiến hành nâng cấp các khu TTTM tại các địa phương khi nhu cầu mua sắm tại đây phát triển hơn (từ Vincom Plaza lên Vincom Center và từ Vincom+ lên Vincom Plaza).

Nguồn: VRE, PHFM thu thập

Điểm nhấn đầu tư.

Thị trường bán lẻ bùng nổ. Việt Nam là quốc gia có thị trường bán lẻ năng động với dân số trẻ, tầng lớp trung lưu ngày càng tăng, tốc độ đô thị hóa cao, trong khi đó diện tích sàn bán lẻ thương mại bình quân đầu người còn thấp so với các nước trong khu vực là những yếu tố tích cực cho ngành BĐS bán lẻ tại Việt Nam phát triển (tăng trưởng thu nhập trung bình năm 2019-2021E là 17%, cao hơn các nước ASEAN). Nắm bắt được xu hướng này, VRE tận dụng triệt để lợi thế dẫn đầu trong lĩnh vực cho thuê BĐS đã nhanh chóng mở rộng quy mô kinh doanh của mình, doanh thu từ mảng cho thuê diện tích sàn bán lẻ được đẩy mạnh với tốc độ tăng trưởng CARG là 30% trong giai đoạn 2014 - 2019.

Cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện giúp gia tăng khách hàng đến thăm quan, mua sắm tại các TTTM. Kỳ vọng khi tuyến đường sắt Metro được đưa vào vận hành, kết hợp với đẩy mạnh các sự kiện khuyến mãi, marketing, tạo thêm điều kiện để du khách, người dân đến thăm quan mua sắm tại các TTTM của VRE, từ đó giúp gia tăng doanh thu từ các hợp đồng chia sẻ lợi nhuận (đóng góp ~20% vào doanh thu cho thuê của VRE). Bên cạnh đó, 4 mô hình kinh doanh gồm: Vincom Center, Vincom Mega Mall, Vincom Plaza và Vincom+ giúp VRE đáp ứng hầu hết nhu cầu của khách đi thuê và có được tệp khách hàng luôn đồng hành cùng VRE.

Hưởng lợi nhờ hệ sinh thái từ Tập đoàn Vingroup. VRE có khả năng tiếp cận đến quỹ đất của Vinhomes với hơn 168 triệu m2 ngay tại trung tâm Hà Nội và TP.HCM và các tỉnh thành lân cận, trong đó các TTTM Vincom nằm trong khu đô thị Vinhomes. Cùng sự hỗ trợ tài chính và chiến lược từ Vingroup, VRE có cơ sở để tiếp tục gia tăng quỹ đất ở các khu vực trung tâm. Đây là lợi thế vượt trội so với các chủ đầu tư TTTM nước ngoài do họ gặp khó khăn trong việc tìm được quỹ đất phù hợp tại Việt Nam cũng như quá trình hoàn thành thủ tục pháp lý phức tạp.

Khai thác quỹ đất số 1 tại Việt Nam. Năm 2020, VRE đã ra mắt 1 TTTM, nâng tổng số diện tích sàn bán lẻ lên ~1.66 triệu m2 (+4% so với năm 2019). Năm 2020-2021, VRE tập trung đưa các Vincom Megamall ở các đại dự án Vinhomes đi vào vận hành, tạo thành các điểm nhấn mới cho Hà Nội và TP.HCM. Theo kế hoạch của VRE, mục tiêu năm 2026 sẽ sở hữu 4.5 - 5 triệu m2 sàn bán lẻ (+201% so với năm 2020) phủ sóng rộng khắp các tỉnh thành cả nước để khẳng định vị thế dẫn đầu của mình.

Định giá và khuyến nghị

Chúng tôi sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền với mức giá hợp lý đối với cổ phiếu VRE là 43,400 VNĐ/CP, duy trì khuyến nghị: MUA đối với cổ phiếu VRE, mức tăng trưởng là 27% so với ngày 10/03/2021.

Đvt : tỷ đồng	2017	2018	2019	2020U	2021F
Doanh thu thuần	5,518	9,124	9,259	8,329	10,838
%YoY	-13.6%	65.3%	1.5%	-10.1%	30.1%
Lợi nhuận gộp	2,801	3,641	4,405	3,821	5,072
%YoY	6%	30%	21%	-13.2%	30.2%
Biên LN Gộp	50.8%	39.9%	47.6%	45.8%	46.8%
Lợi nhuận sau thuế	2,027	2,404	2,848	2,382	3,135
LNST công ty mẹ	2,027	2,404	2,848	2,382	3,135
%YoY	-17%	19%	18%	-16.3%	31.6%

Phương pháp DCF	
WACC	10.5%
Hiện giá cho thuê BĐS (tỷ)	93,951
Hiện giá kinh doanh BĐS (tỷ)	3,839
Tổng hiện giá (tỷ)	97,789
Giá trị vốn chủ sở hữu (EV) (tỷ)	98,589
Số lượng cổ phiếu (triệu)	2,272
Giá kỳ vọng (VNĐ/cổ phiếu)	43,400

(Nguồn : VRE, PHFM dự phóng)

Rủi ro

Rủi ro theo chu kỳ ngành BĐS: VRE phụ thuộc vào hoạt động kinh doanh, cho thuê BĐS thương mại và nhà ở, do đó, chu kỳ kinh doanh của VRE sẽ chịu tác động khi chu kỳ của thị trường BĐS.

Áp lực cạnh tranh: Áp lực cạnh tranh từ sự mở rộng quy mô của các nhà bán lẻ hiện tại cũng như sự tham gia ngày càng nhiều của các nhà bán lẻ nước ngoài như Lotte Mart, Aeon, Takashimaya, Big C đã làm gia tăng sự cạnh tranh trong thị trường cho thuê bất động sản.

Rủi ro dịch bệnh. Chúng tôi hy vọng dịch bệnh sẽ được kiểm soát vào cuối năm 2021. Tuy nhiên, nếu tình hình dịch bệnh phức tạp, nó sẽ ảnh hưởng đến số lượng khách hàng tại các trung tâm thương mại cũng như hoạt động kinh doanh của VRE.

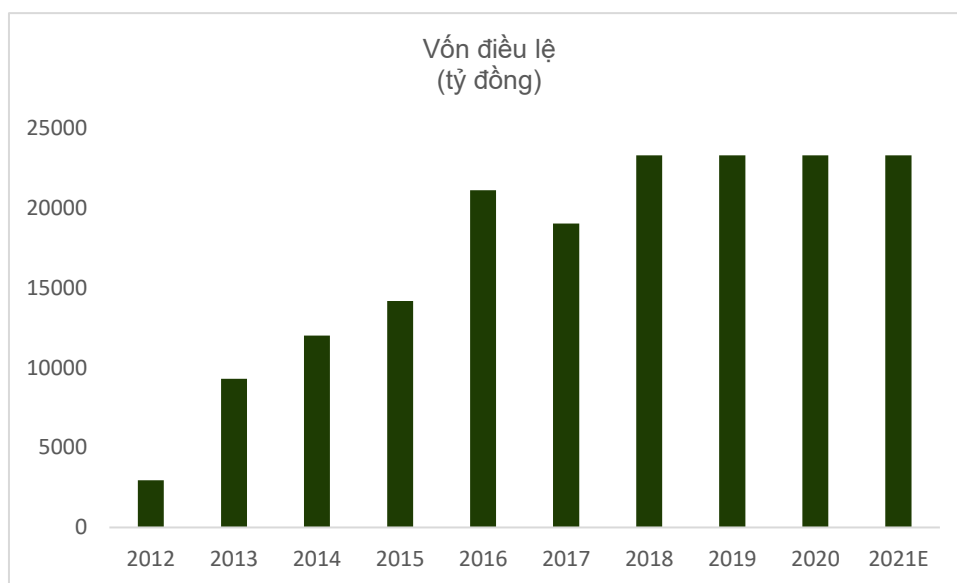
Sơ lược công ty

Công ty cổ phần Vincom Retail được thành lập ban đầu vào ngày 11/4/2012 dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn. Trước đó, Tập đoàn Vingroup bắt đầu phát triển các TTTM thương hiệu “Vincom” từ năm 2004. Từ năm 2013, VRE được định hướng là đơn vị phát triển và vận hành hệ thống TTTM mang thương hiệu Vincom của Tập đoàn, đồng thời cũng được chuyển thành công ty cổ phần kể từ ngày 14/5/2013.

VRE là nhà phát triển, sở hữu và vận hành TTTM bán lẻ lớn nhất và có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất tại Việt Nam thể hiện qua số lượng và tốc độ gia tăng các TTTM bán lẻ khắp toàn quốc để phục vụ cho thị trường tiêu dùng đang phát triển nhanh chóng tại Việt Nam.



Quá trình tăng vốn



(Nguồn: VRE)

Báo cáo tài chính (tỷ VNĐ)

Kết quả kinh doanh	2017A	2018A	2019A	2020U	2021E
Doanh thu thuần	5,518	9,124	9,259	8,329	10,838
Giá vốn hàng bán	-2,717	-5,482	-4,854	4,508	5,766
Lợi nhuận gộp	2,801	3,641	4,405	3,821	5,072
Chi phí bán hàng	-256	-408	-371	-330	-443
Chi phí QLDN	-313	-342	-448	-390	-536
Lợi nhuận từ HĐKD	2,192	2,992	3,547	3,101	4,093
Doanh thu tài chính	586	519	265	267	315
Chi phí lãi vay	-417	-302	-302	-467	-470
Lợi nhuận khác	-23	60	30	91	-20
Lợi nhuận trước thuế	2,168	3,052	3,578	2,993	3,918
Lợi nhuận sau thuế	2,027	2,413	2,848	2,382	3,135
LNST của cổ đông Công ty mẹ	2,027	2,404	2,848	2,382	3,135
Cân đối kế toán	2017A	2018A	2019A	2020U	2021E
Tài Sản Ngắn Hạn	13,357	7,123	4,368	7,099	7,752
Tiền và tương đương tiền	1,422	2,431	1,388	3,051	4,456
Đầu tư tài chính ngắn hạn	60	701	789	1,894	89
Phải thu ngắn hạn	4,053	1,048	724	1,533	889
Hàng tồn kho	1,817	902	986	520	1,462
Tài sản ngắn hạn khác	6,006	2,040	1,183	101	856
Tài Sản Dài Hạn	24,777	31,561	31,454	32,670	36,123
Phải thu dài hạn	8	10	9	8	9
Tài sản cố định	171	308	474	450	573
Bất động sản đầu tư	20,401	26,429	28,064	27,599	32,264
Chi phí xây dựng dở dang	1,080	1,343	640	959	1,233
Đầu tư tài chính dài hạn	1,830	1,832			
Tài sản dài hạn khác	1,287	1,638	1,568	3,320	2,044
Tổng cộng tài sản	38,133	38,684	35,823	39,769	43,875
Nợ phải trả	12,039	10,174	8,872	10,434	10,982
Nợ ngắn hạn	8,138	6,260	4,768	3,491	5,311
Nợ dài hạn	3,901	3,915	4,105	6,943	5,671
Vốn chủ sở hữu	26,094	28,509	26,950	29,336	32,893
Vốn điều lệ	19,021	23,288	23,288	23,288	23,288
Lợi ích cổ đông thiểu số	42	42	42	34	34
Tổng nguồn vốn	38,133	38,684	35,823	39,769	43,875

Lưu chuyển tiền tệ	2017A	2018A	2019A	2020U	2021E
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	2,799	3,574	3,567	3147	4,597
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	-2089	636	-205	235	-1,710
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	-986	-3,200	-4,405	2920	-1,482
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-276	1,010	-1043	1,663	1,405
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	1,698	1,422	2,431	1,388	3,051
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	1,422	2,431	1,388	3,051	4,456
Chỉ số tài chính	2017A	2018A	2019A	2020U	2021E
Tăng trưởng (%)					
Doanh thu	-13.6	65.3	1.5	-10.0	30.1
Lợi nhuận sau thuế	-16.8	18.6	18.5	-16.4	31.6
Tổng tài sản	11.2	1.4	-7.4	11.0	10.3
Tổng vốn chủ sở hữu	5.7	9.3	-5.5	8.9	12.1
Khả năng sinh lời (%)					
Tỷ suất lãi gộp	50.8	39.9	47.6	45.9	46.8
Tỷ suất EBIT	48.9	37.6	41.9	37.2	37.7
Tỷ suất lãi ròng	6.0	30.0	30.8	28.6	28.9
ROA	5.6	6.3	7.7	5.7	7.1
ROE	8.0	8.8	10.3	8.5	10.1
Hiệu quả hoạt động (ngày)					
Số ngày phải thu	46	20	17	27	26
Số ngày tồn kho	168	90	71	61	61
Số ngày phải trả	102	149	206	113	178
Khả năng thanh toán (lần)					
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.4	1.0	0.9	1.9	1.7
Tỷ suất thanh toán nhanh	0.6	0.3	0.7	1.4	1.3
Cấu trúc tài chính (%)					
Tổng nợ/Tổng tài sản	31.6	26.3	24.8	26.2	25.1
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	22.9	9.8	10.3	14.4	12.4

Nguồn: PHFM tổng hợp.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Đỗ Tiến Đạt, Chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng/Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp. HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2405

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng,

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912